TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2023/DS-ST
Ngày: 12-6-2023
V*/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2023/TLST- DS ngày 21/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1956; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

+ Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1990;

+ Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1987;

Cùng trú tại: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Bà B có cho bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T vay số tiền là 145.000.000 đồng. Vào ngày 03/01/2023, bà Nguyễn Thị U viết giấy cam kết trả nợ và thừa nhận còn nợ lại bà B là 145.000.000 đồng; từ ngày 03/01/2023 mỗi tháng trả cho bà B 5.000.000 đồng nhưng bà U không thực hiện theo cam kết.

Nay bà B khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị U trả cho cho bà Nguyễn Thị B số tiền vốn là 145.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày 03/3/2023 là 02 tháng với lãi suất 0,83%/tháng là 2.407.000 đồng; tổng

cộng là 147.407.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 04/3/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%. Bà Nguyễn Thị B tự nguyệt rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T.

Tại biên bản làm việc ngày 25/5/2023, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Sự việc mà Nguyễn Thị U mượn tiền của bà Nguyễn Thị B ông hoàn toàn không biết, bà B cũng xác định số tiền nợ của bà U với bà B là tiền nợ riêng của bà U, không liên quan đến ông T, do bà U và bà B tự giải quyết với nhau. Việc bà B rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T thì ông T không có ý kiến gì và yêu cầu giải quyết vắng mặt ông T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U vắng mặt không có lời trình bày .

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị U trả cho số tiền vốn là 145.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày 03/3/2023 là 02 tháng với lãi suất 0,83%/tháng là 2.407.000 đồng; tổng cộng là 147.407.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 04/3/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; nguyên đơn và ông Trần Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp Thạnh Lộc, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị U trả số tiền vốn là 145.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 03/01/2023 đến ngày 03/3/2023 là 02 tháng với lãi suất 0,83%/tháng là 2.407.000 đồng; tổng cộng là 147.407.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 04/3/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị B cung cấp giấy cam kết trả nợ ngày 03/01/2023 có chữ ký của bà Nguyễn Thị U. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng toàn bộ hồ sơ khởi kiện (photo) của nguyên đơn cho bị đơn nhưng bị đơn không đưa ra ý kiến phản hồi. Bà Nguyễn Thị U vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy bà Nguyễn Thị U mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Nguyễn Thị U trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 03/01/2023 đến ngày 03/3/2023 là 02 tháng với lãi suất 0,83%/tháng là 2.407.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 04/3/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ ngày 04/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2023) là 03 tháng 08 ngày, do đó tiền lãi bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà Nguyễn Thị B là 2.407.000 đồng + (145.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng) + (145.000.000 đồng x 0,028%/ngày x 08 ngày) = 6.342.300 đồng. Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà Nguyễn Thị B là 151.342.300 đồng. Bà Nguyễn Thị B tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T, đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B nên ghi nhận. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị U phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị U về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm trả cho cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 145.000.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 6.342.300 (Sáu triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm) đồng. Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị U phải trả cho bà Nguyễn Thị B là 151.342.300 (Một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm) đồng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị B tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị U phải chịu là 7.567.000 (Bảy triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. Thạnh Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền